

Bản án số: 13/2017/HS-ST
Ngày 18-01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Hùng

Bà Lê Thị Bích Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 383/2017/HSST ngày 28 tháng 11 năm 2017 đối với:

Bị cáo Phan Ngọc D, sinh năm 1988 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: thôn P, xã T, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch Việt Nam; con ông Phan Ngọc T, sinh năm 1963 và bà Sử Thị L, sinh năm 1967; tiền sự, tiền án: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Bị hại: Anh Đào Đức T, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn X, xã H, huyện M, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần A. Địa chỉ: đường 2/4, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Ngọc D là tài xế lái taxi hãng A. Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 30/7/2017, D điều khiển taxi biển kiểm soát 79A xxxxx, đón gia đình anh Đào Đức T đi từ khu vực cảng C, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa về lại khách sạn Q, đường P, phường V, thành phố N. Khi đến khách sạn gia đình anh T xuống xe, thanh toán tiền taxi. Khi xuống xe anh T có để quên một túi xách màu vàng trên ghế giữa dãy ghế phía sau của xe taxi, bên trong túi xách có các tài sản gồm: một điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen; hai điện thoại Iphone 6s màu vàng và một sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng - trắng. Sau khi gia đình anh T xuống xe, D điều khiển xe chạy được một đoạn thì phát hiện túi xách của anh T để quên. Lúc này D giả vờ bấm đồng hồ đón khách khác lên xe để nếu bị phát hiện sẽ nói là của khách khác để lại trên xe. D điều khiển xe chạy đến khu vực chợ X mở giỏ ra kiểm tra thấy số tài sản trên, liền nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản, nên D tắt nguồn và tháo sim hết 3 điện thoại của anh T.

Khi phát hiện để quên tài sản trên xe taxi do D điều khiển, anh T gọi tổng đài của hàng taxi A và đến công an phường Y trình báo sự việc. Tổng đài liên lạc với D hỏi về việc khách để quên nhưng D trả lời không tìm thấy tài sản. Lúc này, anh T cũng liên tục gọi cho D để xin lại tài sản bỏ quên nhưng không được. Khi tổng đài nhắc D chạy xe lại khách sạn gặp anh T để làm rõ, sợ bị phát hiện nên D điều khiển xe chạy tới khách sạn G trên đường N, D dừng xe rồi mang giỏ xách của anh T giấu vào thùng rác, với mục đích khi xong việc thì quay lại lấy tài sản. Sau đó D chạy xe đến gặp anh T và cùng anh T đến công an phường L làm việc.

Tại công an phường, D khai nhận hành vi phạm tội nêu trên và chỉ ra nơi cất giấu tài sản đã chiếm giữ của anh T. Công an phường L đã dẫn D đi thu giữ số tài sản của anh T được giấu trong thùng rác trước khách sạn G.

Tang vật thu giữ: 01 giỏ xách màu vàng xanh, một điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen; hai điện thoại Iphone 6s màu vàng và một sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng – trắng.

Tại biên bản định giá tài sản số 258/TCKH ngày 23/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen, 02 điện thoại Iphone 6s màu vàng; 01 giỏ xách màu vàng xanh và một sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng – trắng không đủ thông tin định giá.

Tại bản cáo trạng số 286/CT -VKS ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa đã truy tố bị cáo Phan Ngọc D về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo khoản 1 Điều 141 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên nội dung đã truy tố đối với bị cáo Phan Ngọc

D và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 141; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật hình sự 1999 và khoản 1 Điều 176 của Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo mức án tù 03 đến 06 tháng tù về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 6 đến 12 tháng. Về xử lý vật chứng: Đã trả lại cho người bị hại nên không xét; tuyên án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo Phan Ngọc D thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người bị hại ông Đào Đức T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên cũng như của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của điều tra viên, kiểm sát viên và của các cơ quan tố tụng đã thực hiện là hợp pháp, đúng quy định.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa bị cáo Phan Ngọc D khai nhận: Sau khi gia đình anh T xuống xe, D liền điều khiển xe đi đón khách khác thì phát hiện giỏ xách của anh T để quên trên xe. Kiểm tra giỏ xách D phát hiện trong giỏ xách là một điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen; hai điện thoại Iphone 6s màu vàng. Vì không muốn trả lại tài sản cho khách, nên D đã tháo sim ra khỏi các điện thoại, sau đó giấu giỏ xách trong đó có các điện thoại của anh T vào thùng rác trên đường N, với mục đích sẽ chiếm đoạt tài sản này. Bị cáo nhận biết rõ tài sản của anh T để quên trên xe, mặc dù đã được tổng đài của hãng taxi gọi để hỏi về tài sản của khách để quên trên xe, cũng như anh T gọi điện đến xin lại tài sản, nhưng vì lòng tham nên D đã cố tình không trả lại tài sản. Như vậy, hành vi của D đã thỏa mãn dấu hiệu của tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và phù hợp với các

tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang truy tố bị cáo về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo khoản 1 Điều 141 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về áp dụng điều luật áp dụng đối với hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 1 Điều 176 của Bộ luật hình sự 2015 đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy, ngày 01/01/2018 Bộ luật hình sự 2015 có hiệu lực pháp luật. So với khoản 1 Điều 141 của Bộ luật hình sự 1999 thì khoản 1 Điều 176 của Bộ luật hình sự 2015 có mức hình phạt nhẹ hơn. Do đó, đề nghị của đại diện viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người bị hại được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, nên cần phải xử phạt bị cáo mức án đủ nghiêm, để cải tạo, giáo dục bị cáo, cũng như phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản phạm tội đã được thu hồi trả lại cho người bị hại và được người bị hại bãi nại; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Tại phiên tòa bị cáo xuất trình được tài liệu chứng minh đã có chỗ làm ổn định. Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử nhận thấy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội, áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự 1999 cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện. Đề nghị cho hưởng án treo của đại diện Viện kiểm sát và bị cáo là có cơ sở được chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Người bị hại anh Đào Đức T đã nhận lại toàn bộ tài sản của mình. Tại phiên tòa anh T vắng mặt, nên tách ra để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác, nếu sau này anh T có yêu cầu.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và không yêu cầu gì về phần dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phan Ngọc D phạm tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 176 của Bộ luật hình sự 2015; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 60 Bộ luật hình sự 1999. Xử phạt bị cáo Phan Ngọc D **06** (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phan Ngọc D cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Khánh Hòa, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Đào Đức T vắng mặt tại phiên tòa nên tách thành vụ án dân sự khác nếu sau này có yêu cầu. Công ty cổ phần A không yêu cầu về phần trách nhiệm dân, nên không xét.

3. Án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phan Ngọc D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố Nha Trang;
- Công an thành phố Nha Trang;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS. TP. N;
- Lưu án văn, VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Phan Thanh Tùng